

LUẬT sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Để khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế mở rộng hợp tác đầu tư với nước ngoài;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 25 và Điều 84 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 12 năm 1987 và sửa đổi, bổ sung ngày 30 tháng 6 năm 1990.

Điều 1. - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như sau:

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Điểm 2 được sửa đổi như sau:

“2. “Bên Việt Nam” là một bên gồm một hoặc nhiều doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế”.

b) Bổ sung các điểm như sau:

“13. “Khu chế xuất” là khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu, bao gồm một hoặc nhiều xí nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, do Chính phủ quyết định thành lập”.

“14. “Xí nghiệp chế xuất” là xí nghiệp được thành lập và hoạt động trong phạm vi khu chế xuất”.

“15. “Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao” là văn bản ký kết giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam để xây dựng, khai thác kinh doanh công trình hạ tầng trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, tổ chức, cá nhân nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn công trình đó cho Chính phủ Việt Nam”.

2. *Đoạn 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:*
“Bên Việt Nam tham gia xí nghiệp liên doanh góp vốn pháp định bằng:

1. Tiền Việt Nam, tiền nước ngoài;
2. Các nguồn tài nguyên theo quy định của Chính phủ Việt Nam;
3. Vật liệu xây dựng, trang bị và tiện nghi;
4. Giá trị quyền sử dụng đất, mặt nước, mặt biển theo quy định của Chính phủ Việt Nam;
5. Nhà xưởng, công trình xây dựng khác, thiết bị, máy móc, dụng cụ, bộ phận rời;
6. Dịch vụ thi công và đưa xí nghiệp vào hoạt động, bằng sáng chế, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật”.

3. *Điều 8 được bổ sung một đoạn vào cuối điều như sau :*

“Đối với cơ sở kinh tế quan trọng do Chính phủ quyết định, các bên thỏa thuận tăng dân tỷ trọng góp vốn của Bên Việt Nam trong vốn pháp định của xí nghiệp liên doanh”.

4. *Điều 14 được bổ sung một đoạn vào cuối điều như sau :*

“Theo quyết định của Chính phủ, các doanh nghiệp Việt Nam, trên cơ sở thỏa thuận với chủ xí nghiệp, được mua lại từng phần vốn của xí nghiệp thuộc những cơ sở kinh tế quan trọng”.

5. *Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau :*

“Điều 15. -

Thời hạn hoạt động của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài do Chính phủ quyết định đối với từng dự án, nhưng không quá 50 năm.

Căn cứ vào quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ quyết định thời hạn dài hơn đối với từng dự án, nhưng tối đa không quá 70 năm”.

6. *Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau :*

“Điều 17. -

Xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mở tài khoản bằng tiền Việt Nam và tiền nước ngoài tại

Ngân hàng Việt Nam hoặc tại Ngân hàng liên doanh hoặc tại các chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đặt tại Việt Nam.

Trong trường hợp đặc biệt được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phép mở tài khoản vốn vay tại Ngân hàng ở nước ngoài".

7. Bổ sung Điều 19a, Điều 19b như sau :

"Điều 19a.

Các tổ chức, cá nhân nước ngoài được đầu tư vào các khâu chế xuất tại Việt Nam dưới các hình thức quy định tại Điều 4 của Luật này.

Các doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế được hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào khâu chế xuất dưới hình thức quy định tại điểm 1, điểm 2 Điều 4 của Luật này hoặc thành lập xí nghiệp 100% vốn của mình.

Quan hệ trao đổi hàng hóa giữa các doanh nghiệp trong thị trường Việt Nam với các xí nghiệp chế xuất được coi là quan hệ xuất nhập khẩu và theo các quy định của pháp luật xuất nhập khẩu.

Chính phủ ban hành các văn bản về quy chế khâu chế xuất và xí nghiệp chế xuất".

"Điều 19b.

Các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam xây dựng công trình hạ tầng có thể ký kết hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. Các tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng các quyền lợi và thực hiện các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng.

Chính phủ quy định cụ thể về đầu tư theo hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao".

8. Điều 21 được bổ sung một đoạn vào cuối điều như sau :

"Trong trường hợp do thay đổi quy định của pháp luật Việt Nam mà làm thiệt hại đến lợi ích của các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh và xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp giấy phép, thì Nhà nước có biện pháp giải quyết thỏa đáng đối với quyền lợi của nhà đầu tư".

9. Điều 27 được bổ sung một đoạn vào cuối điều như sau :

"Đối với xí nghiệp 100% vốn nước ngoài, trong trường hợp cần khuyến khích đầu tư, Chính phủ quyết định cho hưởng ưu đãi quy định tại đoạn 1, đoạn 2 điều này".

10. Bổ sung Điều 35a như sau :

"Điều 35a.

Xí nghiệp chế xuất được:

1. Miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa từ khâu chế xuất xuất khẩu ra nước ngoài và từ nước ngoài nhập khẩu vào khâu chế xuất;

2. Hưởng mức thuế ưu đãi theo quy định tại Điều 28, Điều 33 của Luật này. Chính phủ quy định cụ thể mức thuế ưu đãi đối với từng loại xí nghiệp chế xuất".

11. Đoạn 2 Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau :

"Cơ quan Nhà nước quản lý đầu tư nước ngoài có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Hướng dẫn Bên nước ngoài và Bên Việt Nam trong quá trình đàm phán, ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng liên doanh, hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập xí nghiệp 100% vốn nước ngoài; làm đầu mối giải quyết những vấn đề do tổ chức, cá nhân đầu tư nước ngoài yêu cầu;

2. Xem xét và chuẩn y hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng liên doanh, hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao; cho phép các tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập xí nghiệp 100% vốn nước ngoài; chuẩn y điều lệ của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

3. Quyết định cho các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng được hưởng những điều kiện ưu đãi;

4. Theo dõi và kiểm tra việc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh, hoạt động của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

5. Phân tích hoạt động kinh tế của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài".

12. Các chữ "Hội đồng Bộ trưởng" được sửa đổi thành các chữ "Chính phủ".

Điều 2. - Chính phủ sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phù hợp với Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 23 tháng 12 năm 1992.

Chủ tịch Quốc hội
NÔNG ĐỨC MẠNH

**LỆNH của Chủ tịch nước số 7-LCTN
ngày 15-2-1993 công bố Pháp
lệnh Thú y.**

CHỦ TỊCH NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 78 của Luật Tổ chức Quốc hội,

NAY CÔNG BỐ :

Pháp lệnh Thú y đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Khóa IX) thông qua ngày 4 tháng 2 năm 1993.

Chủ tịch
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
LÊ ĐỨC ANH

PHÁP LỆNH Thú y.

Để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, ngăn chặn dịch bệnh lây lan nhằm bảo vệ và phát triển động vật,

cung cấp động vật và sản phẩm động vật có chất lượng cao cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, bảo vệ sức khỏe nhân dân và môi trường sinh thái;

Căn cứ vào Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định về công tác thú y.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Công tác thú y quy định trong Pháp lệnh này gồm các biện pháp phòng và chống dịch bệnh cho động vật, kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật và kiểm tra vệ sinh thú y các thực phẩm có nguồn gốc từ động vật, quản lý thuốc và giống vi sinh vật dùng trong thú y.

Điều 2.- Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Động vật** bao gồm các loại thú, cầm; loài bò sát; loài thân giáp; ngành thân mềm và các loài cá, ong, tằm; trứng giống, tinh dịch; phôi động vật.

2. **Sản phẩm động vật** là thịt, các sản phẩm khác có nguồn gốc từ động vật.

3. **Thuốc thú y** là chế phẩm có nguồn gốc từ động vật, thực vật, hóa chất; vắc-xin và các chế phẩm sinh học khác dùng trong thú y.

4. **Giống vi sinh vật dùng trong thú y** gồm giống vi trùng, siêu vi trùng, ký sinh trùng, nấm mốc và một số loài vi sinh vật khác dùng để chẩn đoán, phòng bệnh và chữa bệnh cho động vật; thử nghiệm, sản xuất và kiểm nghiệm các loại thuốc phòng và chữa bệnh cho động vật.

5. **Đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y** là đủ các điều kiện để bảo vệ và phát triển động vật, không gây hại cho sức khỏe con người và không gây ô nhiễm môi trường sinh thái.

6. **Kiểm soát giết mổ động vật** bao gồm việc kiểm tra tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với động vật trước và sau khi giết mổ, các điều kiện chăn nuôi,